

Bản án số: 47/2018/DSPT

Ngày: 19-7-2018

V/v “Tranh chấp chia thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Tuấn Anh

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí là thư ký tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 về: “Tranh chấp chia thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đ1; Trú tại: Số 30 NCT, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ2; Trú tại: Số 168 đường TP, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Ngô Thị H; Trú tại: Số 168 đường TP, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.2. Bà Nguyễn Thị Thanh X; Trú tại: Làng 50, hẻm LTT, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3.3. Bà Nguyễn Thị Minh N; Trú tại: Thôn NT 1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.4. Bà Nguyễn Thị Minh T1; Trú tại: Khu 5, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

3.5. Cháu Nguyễn Thị Ánh Ng; Trú tại: Tổ 6, khu vực 7, phường TQD, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Thị Ánh Ng: Bà Trần Thị T; Trú tại: Tổ 6, khu vực 7, phường TQD, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3.6. Bà Nguyễn Thị Th.

3.7. Cháu Nguyễn Quốc C.

3.8. Cháu Nguyễn Thị Tuyết S

Đều trú tại: Thôn V1, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của cháu C và cháu S là bà Nguyễn Thị Th.

3.9. Ông Nguyễn Văn Đ3; Trú tại: Thôn H, xã PN, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.10. Ông Nguyễn Văn Đ4; Trú tại: 113 PK, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3.11. Bà Nguyễn Thị D; Trú tại: 130/13 CG, phường 2, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Minh N, bà Nguyễn Thị Minh T, bà Trần Thị T, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Đ3, ông Nguyễn Văn Đ4, bà Nguyễn Thị D: Ông Nguyễn Đ1 là nguyên đơn trong vụ án

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ2 – Bị đơn.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đ1 đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Minh N, bà Nguyễn Thị Minh T, chị Trần Thị T, chị Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Đ3, ông Nguyễn Văn Đ4, bà Nguyễn Thị D thống nhất trình bày:

Cha ông tên Nguyễn S (chết năm 2007), mẹ là Trần Thị C (chết năm 2011) sinh được 07 người con gồm: Nguyễn Đ1, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Ph, Nguyễn Thị Thanh X, Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị Minh T và Nguyễn Văn T.

Cha ông còn quan hệ với cụ Hồ Thị V sinh được 03 người con là: Nguyễn Văn Đ3, Nguyễn Thị D và Nguyễn Văn Đ4. Cha mẹ không có con nuôi.

Cha mẹ chết không để lại di chúc. Ông Nguyễn Minh T chết năm 2014, có vợ là bà Trần Thị T (đã ly hôn) và 01 người con là cháu Nguyễn Thị Ánh Ng; Ông Nguyễn Ph chết năm 2014, ông Ph có vợ là bà Nguyễn Thị Th và 02 người con là cháu Nguyễn Quốc C và Nguyễn Thị Tuyết S.

Di sản của cha mẹ ông là ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 168 đường TP, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định hiện nay ông Nguyễn Văn Đ2 đang quản lý, ngoài ra cha mẹ không còn tài sản nào khác.

Ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất tại 168 TP, thị trấn T; yêu cầu được nhận nhà để ở vì hiện nay ông chưa có chỗ ở ổn định. Ông đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Minh N, chị Nguyễn Thị Minh T, chị Trần Thị T, chị Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn Đ3, ông Nguyễn Văn Đ4, bà Nguyễn Thị D yêu cầu được nhận thừa kế bằng giá trị. Ông cùng các đồng thừa kế khác thống nhất trích 5% kỷ phần của mỗi người để trả công sức bảo quản di sản cho ông Nguyễn Văn Đ2. Ông không đồng ý với

yêu cầu của ông Đ2 về việc tính công sức bảo quản, duy trì di sản cho ông Đ2 với số tiền 7.000.000.000 đồng vì ông Đ2 mới về trông nom, quản lý nhà từ năm 2014 đến nay, không tu bổ gì.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ2 trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Đ1 về quan hệ gia đình. Ngôi nhà tại số 168 TP, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định là của cha mẹ để lại. Năm 1992, Nhà nước mở rộng Quốc lộ 1A nên giải tỏa một phần đất trong khu vườn đồng thời đền bù cho cha mẹ ông Đ1 thửa đất gần sân vận động DT, thị trấn D (hiện ông Đ1 đã xây nhà trên thửa đất này). Ngôi nhà 168 đường TP, thị trấn D, huyện T do cha mẹ để lại dùng để thờ cúng ông bà cha mẹ nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của ông Nguyễn Đ1. Nếu Tòa án chia thừa kế đối với nhà đất nêu trên, ông yêu cầu tính công sức bảo quản, duy trì khối di sản với số tiền 7.000.000.000 đồng. Ông yêu cầu chia thửa đất tại Sân vận động DT hiện nay ông Đ1 đang quản lý.

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

- Chia giao cho ông Nguyễn Đ1 được sở hữu ngôi nhà số 168 đường TP, thôn V 1, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Buộc ông Nguyễn Đ1 thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Minh T, chị Nguyễn Thị Minh N, cháu Nguyễn Thị Ánh Ng mỗi người 93.204.000 đồng (chín mươi ba triệu hai trăm không bốn nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Đ1 thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị Th, cháu Nguyễn Quốc C và cháu Nguyễn Thị Tuyết S 93.204.000 đồng (chín mươi ba triệu hai trăm không bốn nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Đ1 thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn Đ3, anh Nguyễn Văn Đ4 và chị Nguyễn Thị D mỗi người là 34.338.000 đồng (ba mươi bốn triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Đ1 thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn Đ2 132.965.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 13.2.2018 bị đơn ông Nguyễn Văn Đ2 kháng cáo không đồng ý chia thừa kế vì nhà đất của cha mẹ để lại dùng vào việc thờ cúng cha mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ2; Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Nguyễn Văn Đ2 thừa nhận ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 168 đường TP, thị trấn D, huyện T tỉnh Bình Định là của cha mẹ ông

tức cụ Nguyễn S (chết năm 2007) và cụ Trần Thị C (chết năm 2011). Cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Nguyên đơn ông Nguyễn Đ1 và những người trong hàng thừa kế của cụ S và cụ C đều thống nhất yêu cầu chia thừa kế đối với di sản là ngôi nhà 168 đường TP, thị trấn D, huyện T riêng ông Đ2 không đồng ý chia thừa kế vì ông cho rằng ngôi nhà này là tài sản dùng vào việc thờ cúng. Yêu cầu của ông Đ2 không được nguyên đơn và những người trong hàng thừa kế thứ nhất của cụ S và cụ C đồng ý nên việc ông Đ2 kháng cáo không đồng ý chia thừa kế đối với ngôi nhà 168 đường TP, thị trấn D, huyện T không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ2 cho rằng ông không có mặt tại buổi định giá và không nhận được thông báo của Tòa án cấp sơ thẩm về kết quả định giá nên ông không đồng ý với giá nhà, đất mà Hội đồng định giá đã định. Theo ông Đ2, mức giá này thấp so với thực tế, ông yêu cầu định giá lại vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử dừng phiên tòa để thành lập hội đồng định giá, định giá lại tài sản đang tranh chấp.

Theo kết quả định giá ngày 04.7.2018 thì di sản của cụ S và cụ C có giá trị 887.274.170 đồng (giá trị nhà 127.374.170 đồng + giá trị đất 759.900.000 đồng) được phân chia như sau:

Di sản của cụ Nguyễn S là 443.637.085 đồng (887.274.170 đồng : 2)

Phần di sản của cụ S được chia cho 11 thừa kế gồm: Cụ Trần Thị C, ông Nguyễn Đ1, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Ph, bà Nguyễn Thị Thanh X, Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ4, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ3. Mỗi kỹ phần là 40.330.644 đồng.

Di sản của cụ Trần Thị C là 483.967.729 đồng (443.637.085 đồng + 40.330.644 đồng).

Phần di sản của cụ C được chia cho 07 thừa kế của cụ C gồm: Nguyễn Đ1, Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Ph, Nguyễn Thị Thanh X, Nguyễn Thị Minh N, Nguyễn Thị Minh T và Nguyễn Văn T. Mỗi kỹ phần là 69.138.247 đồng.

Như vậy, các thừa kế của cụ S và cụ C mỗi kỹ phần được hưởng 109.468.891 đồng (40.330.644 đồng + 69.138.247 đồng).

Các thừa kế của cụ Nguyễn S và cụ Trần Thị C (trừ ông Nguyễn Văn Đ2) đều thống nhất trích 5% kỹ phần thừa kế được hưởng để tính công sức bảo quản di sản cho ông Đ2 do đó các thừa kế của cụ S và cụ C (trừ ông Đ2) còn được nhận 103.995.447 đồng; Các thừa kế là con riêng của cụ S được nhận 38.314.112 đồng; Phần ông Đ2 được nhận là 148.359.151 đồng.

Ông Nguyễn Ph và ông Nguyễn Văn T đều chết vào năm 2014 nên kỹ phần thừa kế của ông Ph do bà Nguyễn Thị Th (vợ) và các cháu Nguyễn Quốc C, Nguyễn Thị Tuyết S (con) được hưởng. Mỗi người được nhận 34.665.149 đồng; kỹ phần thừa kế của ông T do cháu Nguyễn Thị Ánh Ng được nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã giao ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại số 168 đường TP, thị trấn D, huyện T cho ông Nguyễn Đ1 được sở hữu, sử dụng là có căn cứ vì hiện nay những người trong hàng thừa kế của cụ S và cụ C đều có chỗ ở ổn định. Tất cả các thừa kế (trừ ông Đ2) đều thống nhất giao ngôi nhà 168

TP, thị trấn T cho ông Đ1 là con trai trưởng sở hữu và thờ cúng cha mẹ điều này là phù hợp với truyền thống và phong tục của người Việt Nam. Ông Đ1 phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Đ1, bà X, bà Nguyễn Thị Minh T, bà N và cháu Ng mỗi người phải chịu 5.199.772 đồng ($103.995.447 \times 5\%$);

Bà Nguyễn Thị Th, cháu C và cháu S cùng chịu 5.199.772 đồng.

Ông Đ3, bà D và ông Đ4 mỗi người phải chịu 1.915.705 đồng ($38.314.112 \times 5\%$)

Ông Đ2 phải chịu 7.417.957 đồng ($148.359.151 \times 5\%$).

[4] Về chi phí định giá tài sản: Tổng chi phí định giá tài sản là 4.000.000 đồng. Ông Đ1, bà X, bà T, bà N và cháu Ng mỗi người phải chịu 468.000 đồng; bà Nguyễn Thị Th, cháu C, cháu S cùng chịu 468.000 đồng; ông Đ3, bà D và ông Đ4 mỗi người phải chịu 177.000 đồng; ông Đ2 phải chịu 688.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Đ2 không phải chịu.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 649, 650, 651, 654, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Xác định ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 44,7 m² tại số 168 đường TP thuộc thửa đất số 631 tờ bản đồ số 08 thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định là di sản của cụ Nguyễn S và cụ Trần Thị C được chia thừa kế theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn S và cụ Trần Thị C.

2. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ2 không đồng ý chia thừa kế ngôi nhà số 168 đường TP, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Giao ngôi nhà số 168 đường TP gắn với diện tích đất 44,7 m² thuộc thửa đất số 631 tờ bản đồ số 08 tại V 1, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định cho ông Nguyễn Đ1 được quyền sở hữu và sử dụng.

4. Buộc ông Nguyễn Đ1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ2 148.359.151 đồng; bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Minh T, bà Nguyễn Thị Minh N và cháu Nguyễn Thị Ánh Ng mỗi người 103.995.447 đồng.

5. Buộc ông Nguyễn Đ1 phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th, cháu Nguyễn Quốc C và cháu Nguyễn Thị Tuyết S số tiền 103.995.447 đồng, chia phần mỗi người được nhận 34.665.149 đồng.

6. Buộc ông Nguyễn Đ1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ3, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ4 mỗi người 38.314.112 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đ1, bà Nguyễn Thị Thanh X, bà Nguyễn Thị Minh T, bà Nguyễn Thị Minh N và cháu Nguyễn Thị Ánh Ng mỗi người phải chịu 5.199.772 đồng;

- Bà Nguyễn Thị Th, cháu Nguyễn Quốc C và cháu Nguyễn Thị Tuyết S cùng chịu 5.199.772 đồng.

- Ông Nguyễn Văn Đ3, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Đ4 mỗi người phải chịu 1.915.705 đồng

- Ông Nguyễn Văn Đ2 phải chịu 7.417.957 đồng.

8. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ2 không phải chịu. Hoàn trả cho ông Đ2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007287 ngày 09.3.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

9. Chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản 4.000.000 đồng.

- Ông Đ1, bà X, bà T, bà N và cháu Ng mỗi người phải chịu 468.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Th, cháu C và cháu S cùng chịu 468.000 đồng;

- Ông Đ3, bà D và ông Đ4 mỗi người phải chịu 177.000 đồng;

- Ông Đ2 phải chịu 688.000 đồng.

Ông Đ1 đã tạm ứng 2.000.000 đồng nên bà X, bà Minh T, bà N và cháu N phải hoàn lại cho ông Đ1 201.600 đồng; bà Th, cháu C và cháu S cùng hoàn lại cho ông Đ1 201.600 đồng; ông Đ3, bà D và ông Đ4 mỗi người phải hoàn lại cho ông Đ1 177.000 đồng.

Ông Đ2 đã tạm ứng 2.000.000 đồng nên bà X, bà Minh T, bà N và cháu Ng mỗi người phải hoàn lại cho ông Đ2 266.400 đồng; bà Th, cháu C và cháu S cùng hoàn lại cho ông Đ2 266.400 đồng.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị hội đồng xét xử không giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tuy P;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh